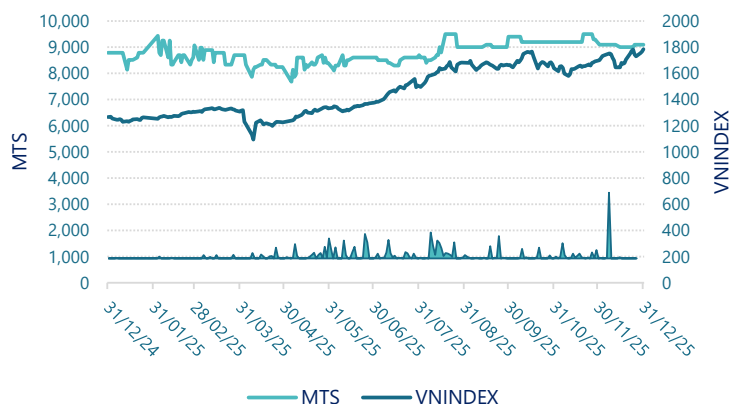


CTCP Vật tư - TKV (UPCOM: MTS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	9,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,682
SL cổ phiếu LH	15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	25
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	137
P/E	6.3
EPS	1,450

DT thuần

Q4/25

1,090

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 197 | 22.1%

YoY: ▲ 64.0 | 6.3%

LN sau thuế

Q4/25

6.26

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.53 | 9.2%

YoY: ▲ 1.64 | 35.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

0.9%

+/- YoY: ▲ 0.3%

DT thuần

2025

4,133

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 52.0 | 1.3%

LN sau thuế

2025

21.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 6.70 | 45.0%

ROE

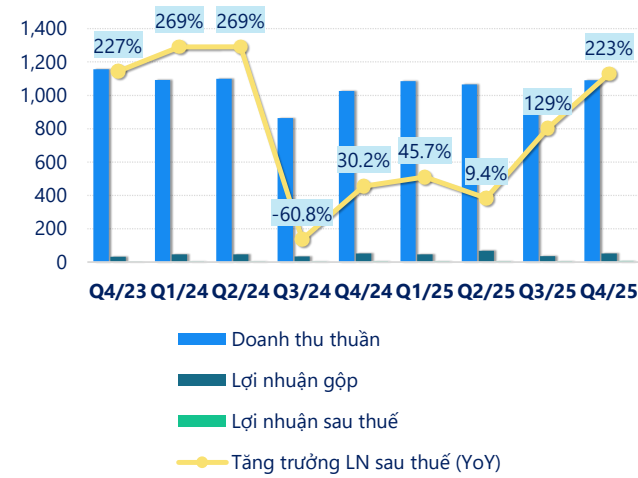
2025

12.1%

+/- YoY: ▲ 3.7%

tỷ VNĐ

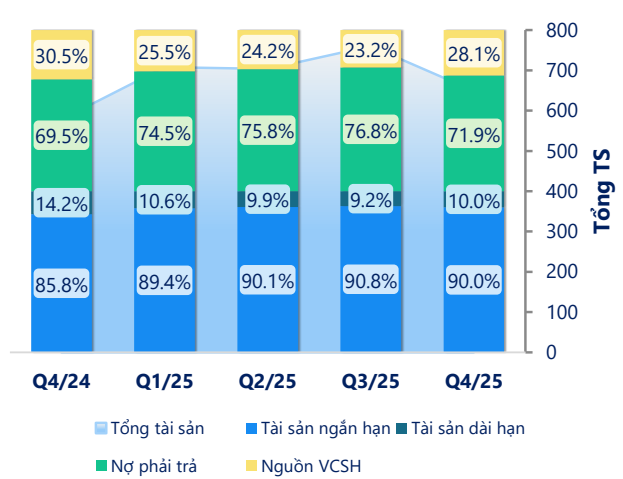
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

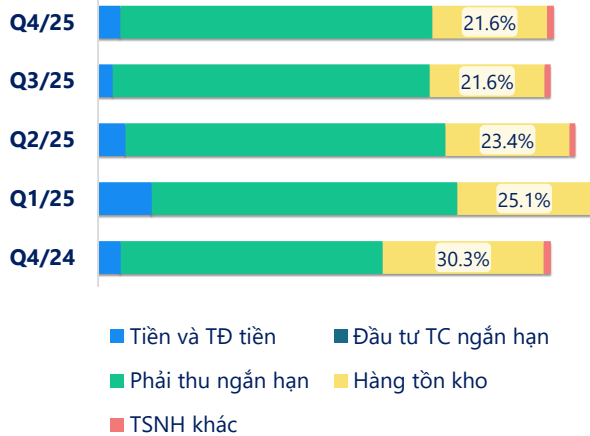
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



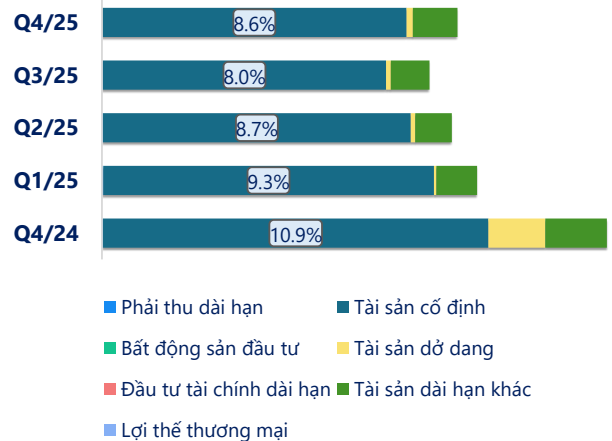
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

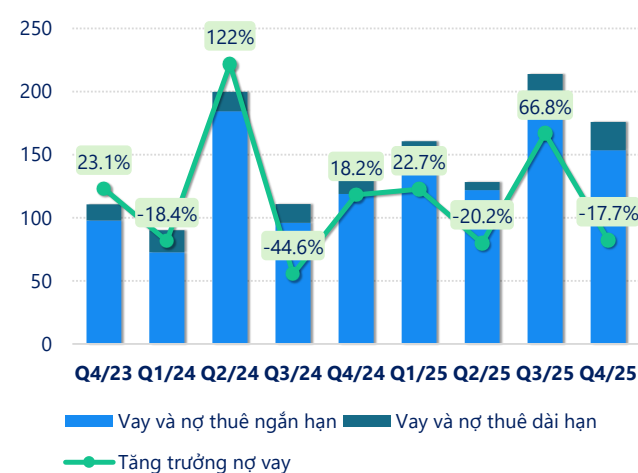
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

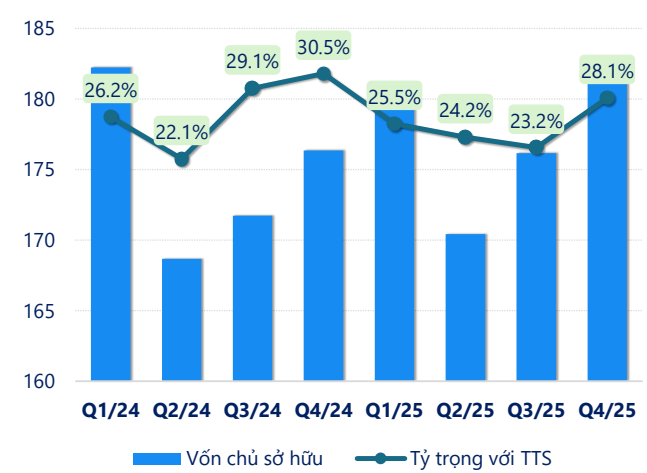
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

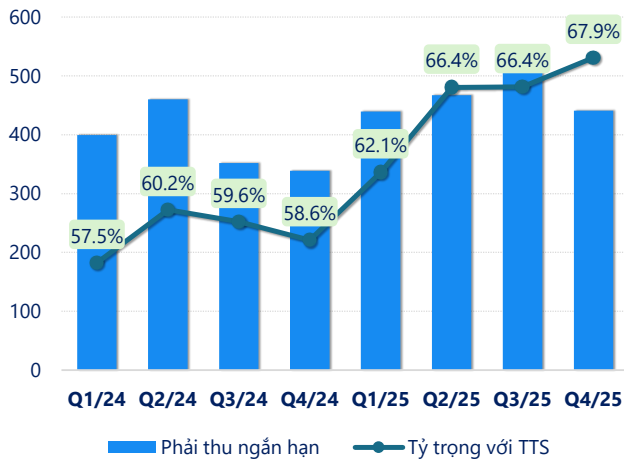
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



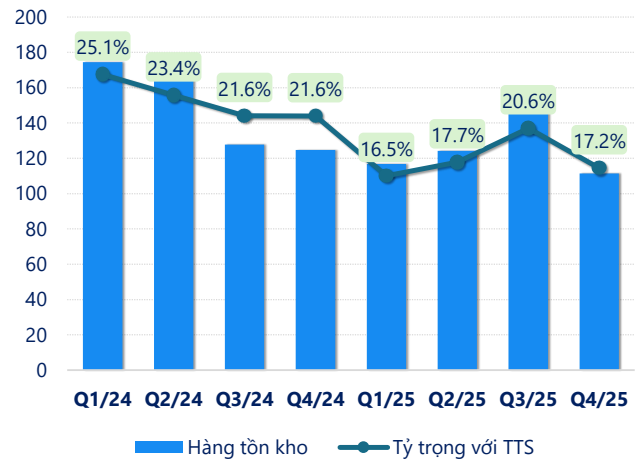
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


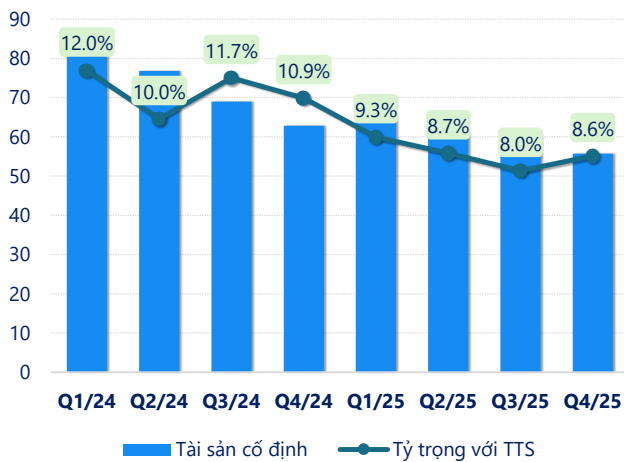
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


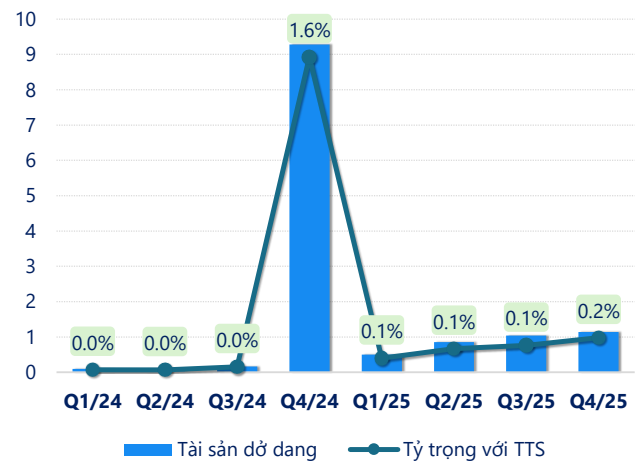
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

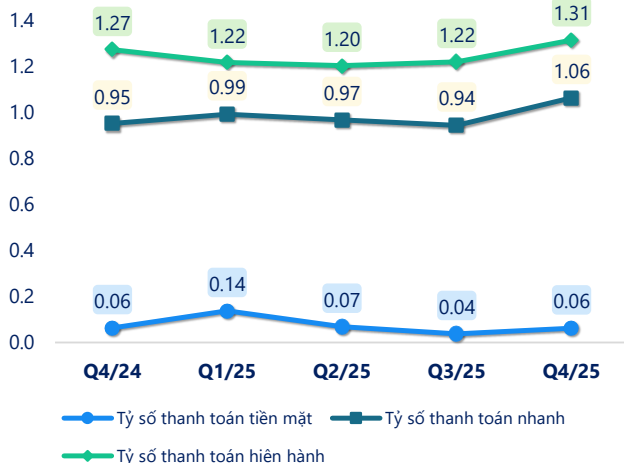
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

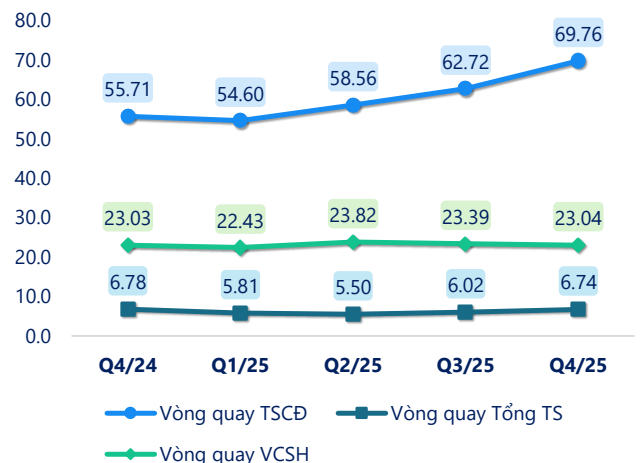
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	578	708	703	760	649
Tài sản ngắn hạn	495	633	634	690	584
Tiền và tương đương tiền	24.6	71.5	36.4	21.2	27.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	339	439	467	505	441
Hàng tồn kho	125	117	124	156	111
Tài sản ngắn hạn khác	7.39	4.95	6.22	7.38	4.20
Tài sản dài hạn	82.3	74.9	69.4	70.2	65.1
Phải thu dài hạn	0.18	0.25	0.20	0.20	0.05
Tài sản cố định	62.8	66.0	61.1	60.7	55.7
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	9.29	0.50	0.85	1.04	1.14
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	10.0	8.15	7.29	8.27	8.21
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	401	527	533	584	466
Nợ ngắn hạn	389	520	527	565	444
Vay và nợ thuê ngắn hạn	119	154	122	195	154
Phải trả người bán ngắn hạn	219	321	324	283	229
Nợ dài hạn	12.0	7.07	6.31	18.6	22.3
Vay và nợ thuê dài hạn	12.0	7.07	6.31	18.6	22.3
Nguồn vốn chủ sở hữu	176	181	170	176	182
Vốn chủ sở hữu	176	181	170	176	182
Vốn điều lệ	150	150	150	150	150
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)